

Danh mục gói thầu: Hàng hóa vật tư y tế tiêu hao

(Kèm theo Công văn số 979 /YCBG-BVBT ngày 05 tháng 12 năm 2025)

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
1	Băng keo lỵa y tế	Băng keo lỵa y tế lõi nhựa 2.5cm x 5m	Cuộn	10
2	Băng keo có gạc vô trùng	6x8cm (Băng keo có gạc vô trùng)	Miếng	500
3	Giấy siêu âm sử dụng cho máy Sony UP 20	Giấy siêu âm Sony. Kích thước: 110mmx20mm. □	Cuộn	1.000
4	Giấy in ảnh siêu âm màu sử dụng cho máy sony	Giấy in kết quả siêu âm màu Sony UPC-21L. Quy cách: 240 tờ/hộp, bao gồm 3 xấp giấy và 3 ribbon mực	Xấp	150
5	Catheter tĩnh mạch rốn	catheter chất liệu PVC + Dài 37cm, cỡ 3.5 Fr, 4Fr & 5Fr +Tốc độ dòng truyền dịch > 6ml/ phút.	Cái	170
6	Cây dẫn đường đặt nội khí quản khó	cây dẫn đường đặt nội khí quản khó,được sử dụng để đặt ống nội khí quản.size 10FR,15Frx70cm	Cây	15
7	Chỉ tan tổng hợp đa sợi số 2/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly (glycolide-co-l-lactid 30/70) 50% + 50% CaSt, số 2/0, chỉ dài 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt ≤0,4 Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 38.84N. Sức căng kéo giảm 40 - 50% sau 21 ngày, tan hoàn toàn sau 56 đến 70 ngày. Đóng gói bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephthalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE . Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Tép	3.492

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
8	Chỉ tổng hợp đơn sợi 10/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamide 6&66 số 10/0 dài 30cm, 2 kim Athaloc hình thang Micro-point spatula TG 140-6 dài 6,5mm 3/8 vòng tròn, bằng hợp kim Ethalloy, được phủ bởi lớp silicone cải tiến, vùng kẹp kim phẳng và có rãnh chạy dọc bên trong và ngoài thân kim giúp giữ chặt kim khi thao tác. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA	Tép	696
9	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi số 8/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi polypropylene số 8/0 dài 60cm, 2 kim tròn đầu cắt MultiPass CC bằng hợp kim Ethalloy, dài 9.3mm 3/8 vòng tròn. Hệ thống cánh báo sớm, tại nút buộc sợi chỉ biến dạng tạo sự chắc chắn và an toàn. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA	Tép	48
10	Chỉ thép buộc hàm (nha khoa)	Chỉ thép buộc hàm (nha khoa)	Cuộn	1
11	Chỉ tơ phẫu thuật các số	Chỉ tơ phẫu thuật số 1. 2/0.	Lọ	120
12	Chỉ khâu chỉnh hình siêu bền	- Chỉ khâu chỉnh hình, chất liệu cao phân tử siêu bền (UHMWPE), đường kính: USP 2, chiều dài ≥ 90cm, lực kéo thẳng > 345N, lực kéo nút thắt > 167N. - Kim khâu bằng Chất liệu thép không gỉ 300 austenitic, dài 26mm, độ cong 1/2. - Tiệt trùng bằng Ethylene oxide	Tép	20
13	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi số 3/0	Chỉ phẫu thuật tan tổng hợp đơn sợi Monocryl có chất kháng khuẩn Irgacare MP, dạng không thắt nút có neo xoắn ốc quanh thân chỉ, các neo ăn vào thân chỉ khoảng 30%. Cỡ chỉ số 3/0 dài 20cm, 1 đầu vòng tự khóa linh hoạt - 1 kim tròn đầu tròn dài 26mm 1/2 vòng tròn, thời gian giữ vết thương 1 - 2 tuần, thời gian tan hoàn toàn 90 - 120 ngày.	Tép	60
14	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi polyglyconate 6/0	Chỉ tan tổng hợp đơn sợi Glyconate (72% Glycolic + 14% Caprolacton + 14% trimethylene) số 6/0, chỉ dài ≥ 70 cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm, kim Easyslide làm bằng hợp kim AISI 300 series (304) Niken 11% theo tiêu chuẩn ASTM f899-20, đạt độ nhám bề mặt $\leq 0,4$ Ra, phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 20.75N. Sức căng kéo giảm 50% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau từ 60 - 90 ngày. Đóng gói bao bên ngoài là màng nhôm, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE+PP. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO.	Tép	252

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
15	Bình + dây dẫn lưu áp lực âm	Làm từ nhựa pp,tiệt trùng bằng khí EO, không gây kích ứng	Bộ	350
16	Chổi rửa nút nhôm, ống nghiệm	lông,thân chổi không ri sét,phần cuối đuôi thiết kế dạng móc,treo chổi	Cái	50
17	Cán dao nhựa cạo tóc, lông	Cán dao nhựa cạo tóc, lông	Cái	1.000
18	Cannula size các cỡ dùng cho máy thở NCPAP	Ống thở silicon, kích thước S, XS dùng cho máy thở NCPAP	Cái	30
19	Canuyn mở khí quản 2 nòng có lỗ lưng các số	Canuyn mở khí quản 2 nòng có lỗ lưng các số (4,6,8)	Cái	40
20	Dây rửa dạ dày	Dây rửa dạ dày	Bộ	2
21	Mask thanh quản từ các số	Làm bằng silicon y tế không độc hại,không kích ứng. Bóng silicon mềm	Cái	10
22	Ống dẫn lưu màng phổi các số	Dùng để dẫn lưu dịch màng phổi,có co nối đi kèm,kích cỡ từ số 12-32FR,dài 40cm	Cái	500
23	Ống nối thẳng con sâu	Ống nối dây máy thở,dùng một lần,dạng dây xếp gấp có thể co giãn,tiệt trùng bằng ethylene oxyde	Cái	800
24	Mặt nạ phòng độc	Lọc độc, lọc bụi. Size L	Cái	8
25	Phin lọc	Sử dụng kèm theo mặt nạ phòng độc	Cái	40

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
26	Bầu nhựa hút dịch gắn hệ thống hút dịch âm tường	Dung tích 2 lít, tháo rời được	Cái	10
27	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày, phía trong	Bộ nẹp khóa đầu dưới xương chày, phía trong, vít Ø3.5mm, trái/ phải, các cỡ	Bộ	50
28	Nẹp chữ T nhỏ nghiêng trái/ phải, các cỡ	Nẹp chữ T nhỏ vít Ø3.5mm, nghiêng trái/ phải, các cỡ	Cái	20
29	Nẹp chữ T các cỡ	Nẹp chữ T, vít Ø4.5mm, các cỡ	Cái	20
30	Nẹp nâng đỡ ngoài đầu xương chày , trái/ phải, các cỡ	Nẹp nâng đỡ ngoài đầu xương chày vít Ø4.5mm, trái/ phải, các cỡ	Cái	10
31	Nẹp chữ T nhỏ, nghiêng trái/ phải, các cỡ	Nẹp chữ T nhỏ, vít Ø3.5mm, nghiêng trái/ phải, các cỡ	Cái	10
32	Nẹp khóa tạo hình thẳng các cỡ	Nẹp khóa tạo hình thẳng dày 3.5mm, vít Ø3.5mm, các cỡ	Cái	10
33	Bộ cố định ngoài Tay	Bộ cố định ngoài Tay	Bộ	3

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
34	Túi dẫn lưu đường mật	Gồm: * 01 túi dùng chứa dịch * Kích cỡ: 800ml * Chất liệu: medical PVC	Cái	100
35	Dây đốt	Dây nối đơn cực nội soi, chiều dài 3m	Cái	20
36	Dao đốt	Dao mổ điện đơn cực, phím điều khiển dạng nút bấm, có hộp đựng, dây dài 3 m	Cái	20
37	Dây nối tắt điện cực	Dây nối tắt điện cực trung tính sử dụng nhiều lần, dây dài 4,6m, có cổng kết nối tính năng sử dụng tính năng REM	Cái	20
38	Tắt điện cực cho máy Force FX Electrosurgical Generator Covidien hoặc tương đương	Tắt điện cực để lót cho người bệnh, dẫn truyền điện để cho việc cắt đốt mô, tắt điện màu đen.	Cái	10
39	Bộ trocar mở bàng quang ra da	Bộ dụng cụ bao gồm tất cả các phụ kiện giúp dễ dàng đưa vào và dẫn lưu hệ thống đóng kín sau phẫu thuật. Bộ mở bàng quang ra da với ống thông silicol 2 nhánh, vỏ cannula nhựa mở bàng quang ra da có thể tách rời, bọc phía ngoài cây nông và trocar bằng thép không gỉ được cung cấp với ống thông Foley silicon hai nhánh. Ống nối ngoài (dùng hỗ trợ xé) của cannula có đánh dấu mã màu. Bộ mở bàng quang ra da với ống thông silicon hai nhánh bao gồm: Ống thông foley silicon hai nhánh cỡ 16 Fr/18 Fr/20 Fr. Cannula nhựa mở bàng quang ra da có thể tách được. Lưỡi dao mổ #11.	bộ	30
40	Dao cắt đốt nội soi đơn cực sử dụng trong cắt đốt nội soi tăng sinh lành tính tuyến tiền liệt	Điện cực cắt đốt vòng, gấp góc, cỡ 24/26 Fr.	cái	5

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
41	Nút đẩy màng lọc	Nút đẩy màng lọc	Cái	40.000
42	Lỗi lọc tinh	Lỗi lọc tinh kích thước 10-20 inches	Cái	24
43	Giấy ghi kết quả máy đo khúc xạ	Giấy ghi kết quả máy đo khúc xạ 58 mm x 30 m	Cuộn	4
44	Kim tách nước	Kim tách nước, cong 27g x 22 mm	Cây	30
45	Dao mổ đường hầm củng mạc, vạt củng mạc	Dao mổ đường hầm củng mạc, vạt củng mạc size: 2,3 mm, - Loại sử dụng nhiều lần. - Lưỡi dao bằng chất liệu không rỉ, cán dao, lưỡi dao không bị biến dạng khi hấp lại.	Cái	10
46	Bộ dây tưới hút (cassette)	loại sử dụng nhiều lần, dùng cho máy phaco Sovereign Compact mã số: OPO 65 hoặc tương đương	Bộ	15
47	Buồng thử và vỏ bọc tưới dịch	Buồng thử và vỏ bọc tưới dịch (Sleeve) loại tái sử dụng, dùng cho máy phaco Sovereign Compact, mã số: OPOS19 L hoặc tương đương	Cái	18
48	Kim chích 26G x 1, 1/2	Kim chích 26G x 1, 1/2	Cây	1.000
49	Kim chích	Kim chích 26G x 1/2	Cây	200
50	Clip kẹp mạch máu số 200	clip mạch máu cỡ 200 dùng để kẹp mạch máu trong phẫu thuật mổ mở và nội soi, kim bằng titanium, vĩ bằng nhựa màu xanh da trời, tương thích với kẹp clip, mã số REF 002200	cái	180
51	Clip kẹp mạch máu số 100	clip mạch máu cỡ 100 dùng để kẹp mạch máu trong phẫu thuật mổ mở và nội soi, kim bằng titanium, vĩ bằng nhựa màu đỏ, tương thích với kẹp clip, mã số REF 001201	cái	180
52	Cán dao mổ các số	Cán dao mổ các số	Cái	10
53	Kim khâu tam giác	Kim khâu tam giác cỡ 9 1/2	Cái	2.000

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
54	Que thử đường huyết	Hệ thuốc thử: men GLUCOSE DEHYDROGENASE- FAD- đặc hiệu với đường glucose (chỉ phản ứng với đường glucose) -> cho kết quả chính xác Độ chính xác: 99% kết quả <75 mg.dL (<4.2 mmol/L) $\pm$ 15 mg/dL ($\pm$0.83 mmol/L) 99% kết quả >75 mg.dL ($\geq$4.2 mmol/L) $\pm$ 15% Hiệu chuẩn: Kết quả đường trong huyết tương (Tương đương với kết quả của máy phòng xét nghiệm) Nguồn máu: Máu mao mạch, tĩnh mạch, động mạch Màn hình cảm biến ánh sáng: Kết quả đo hiển thị rõ trong điều kiện thiếu ánh sáng Ngôn ngữ: tiếng Việt và tiếng Anh Kỹ thuật hoạt động của máy Kỹ thuật hóa điện cực thiết kế đặc biệt với 2 điện cực: điện cực Vàng (Au) và điện cực Palladium (Pd) - Thời gian đo: 5 giây, mẫu lấy máu: 0,4μL. - Phạm vi đo lường Glucose: 20 - 600 mg/dL (1,1 - 33,3 mmol/L) - Khoảng Hematocrit: 20 - 60% Tiêu chuẩn ISO	Test	70.000
55	Túi máu ba - 250ml	Túi được thiết kế phù hợp tách máu toàn phần theo phương pháp Đỉnh-Đỉnh thành các khối hồng cầu, tiểu cầu, huyết tương. Túi chứa sẵn dung dịch chống đông máu CPD bảo quản hồng cầu tới 21 ngày trong dải nhiệt độ từ 2-6o C, khối dung dịch SAD-M bảo quản hồng cầu tới 42 ngày. Túi 1 : dung tích chứa 250ml máu toàn phần: túi chứa 49ml dung dịch chống đông và bảo quản CPD. Túi 2 : túi rỗng, dung tích chứa 300ml. Túi 3: dung tích chứa 300ml để chứa dung dịch bảo quản hồng cầu SAG-M. Đạt tiêu chuẩn Iso, EC	Cái	2.400
56	Vớ nylon	Chất liệu: Nylon Đạt TCVN/TCCS	Đôi	900
57	Bình làm ấm oxy gắn tường	Bình làm ấm oxy gắn tường các khớp chắc chắn khó gãy van điều chỉnh đồng hồ đo lưu lượng oxy	Cái	400
58	Hộp tròn y tế	* Chất liệu inox * Kích thước : 8 cm x 6cm	Cái	100
59	Rọ mây treo tay	Rọ mây treo tay	Bộ	4

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
60	Mặt nạ thở mũi miệng (dùng cho máy thở)	Mặt nạ thở mũi miệng (dùng cho máy thở BiPAP) chất liệu mềm dẻo	Cái	5
61	Gọng mũi (Canula) sử dụng 1 lần cho thở oxy	Gọng mũi (Canula) sử dụng 1 lần cho thở oxy dòng cao HFNC	Cái	5
62	Bộ dây thở cho máy làm ẩm khí thở o-xy dòng cao: * Dùng cho máy HFO-1: -Dây thở gia nhiệt (heating breathing circuit): 01 cái -Buồng làm ẩm: 01 cái -Đầu nối buồng làm ẩm: 01 cái - One tiône mũi (cỡ vừa): 01 cái	Bộ dây thở gia nhiệt hai nhánh làm ẩm chủ động, đường kính 15 mm, dùng một lần, 10 cái/gói Bao gồm: – Ống hít vào có gia nhiệt, 1.7 m. – Ống thở ra có gia nhiệt, 1.7 m. – Ống mở rộng cho lồng ấp, 0.4 m. – Ống nối với bình tạo ẩm, 0.6 m. – Co chữ Y góc 90 độ – Dây lấy mẫu áp lực, 1.8 m – Adapter 15M/15M. - Bình chứa dung dịch tạo ẩm cho trẻ sơ sinh, trẻ em	Bộ	20
63	Túi chườm dạng gel	Túi chườm R &R Rexi care (L): Giảm sốt toàn thân , giảm đau nhức, tăng tuần hoàn máu, làm giảm mệt mỏi.	Cái	8

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
64	Nội khí quản công mũi	Ống nội khí quản công mũi có bóng chèn, chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt phù hợp với đường cong khí quản. Ống có vạch cân quang chạy dọc thân ống. Đầu tù, có mắt Murphy tránh tổn thương niêm mạc khí quản khi đặt. Bóng chèn có áp lực thấp tránh tổn thương niêm mạc khí quản. Cỡ 6.0- 8.0mm. Đường kính trong và đường kính ngoài ống, đường kính bóng chèn và chiều dài ống nội khí quản theo size như sau (mm): Ống 6.0 mm, 8.2 mm, 18.0 mm, 381 mm; Ống 6.5 mm, 8.9 mm, 23.0 mm, 390 mm; Ống 7.0 mm, 9.6 mm, 26.0 mm, 401 mm; Ống 7.5 mm, 10.2 mm, 26.0 mm, 421 mm; Ống 8.0 mm, 10.9 mm, 29.0 mm, 421 mm. Tiệt trùng, sử dụng 1 lần Không chứa Latex. Sản phẩm đạt chứng nhận ISO13485, FDA	Bộ	10
65	Ống nội khí quản lò xo cỡ 6.0; 6.5; 7.0; 7.5	1. Ống nội khí quản lò xo công mũi miệng có bóng chèn 2. Chất liệu bằng Polyvinylclorua (PVC) mềm dẻo, cảm ứng nhiệt. 3. Thân ống có vòng lò xo (stainless steel) chạy dọc thân giúp ống không bị gập lại gây tắc nghẽn. 4. Đầu tù an toàn, mắt Murphy trơn tù. 5. Ống có 2 vạch đậm phía trên bóng chèn đánh dấu vị trí dây thanh âm và 1 đường chạy dọc thân giúp định vị ống. 6. Bóng thể tích lớn áp lực thấp 7. Đường kính trong và đường kính ngoài ống, đường kính bóng chèn và chiều dài size như sau (mm): Ống 6.0 mm, 8.8 mm, 24mm, 286mm; Ống 6.5 mm, 9.4 mm, 26mm, 297mm; Ống 7.0 mm, 10.0 mm, 27mm, 306mm; Ống 7.5 mm, 10.6 mm, 28mm, 318mm; 8. Tiệt trùng, sử dụng 1 lần. 9. Không chứa latex 10. Sản phẩm đạt chứng nhận ISO13485, FDA	Bộ	10

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
66	Mạng che mặt	Mạng che mặt.	Cái	50
67	Kính bảo hộ	Kính bảo hộ y tế.	Cái	50
68	Introducer 6F hoặc tương đương	bằng nhựa, tiệt trùng bằng etylen oxit 6F	Bộ	60
69	Dây điện cực có bóng dùng cho máy tạo nhịp tạm thời, 5F	Dây điện cực tạo nhịp tạm thời có bóng, tự tạo hình, mềm ở nhiệt độ cơ thể	Dây	50
70	Kim chọc dịch 16G	Độ dài catheter: 51mm; Đường kính ngoài: 1.70mm; Đường kính trong: 1.30mm	Cây	100
71	Cọ tắm bông	Cọ tắm bông	Cái	2.400
72	Eugenol	Eugenol 30ml	Lọ	24
73	Cone gutta percha protaper (G.P Protaper) F1, F2, F3	Cone gutta percha protaper (G.P Protaper) F1, F2, F3	Cái	1.500
74	Cone phụ A, B, C, D	Cone phụ A, B, C, D	Cái	20.000
75	Cone giấy (Paper Points)	Cone giấy (Paper Points)	Cây	20.000
76	Cone chính đủ số	Cone chính đủ số	Cây	20.000
77	Cone trám bít tủy 4%	Cone trám bít tủy 4%	Cây	1.000
78	Kim gai các cỡ	Kim gai các cỡ	cây	1.000

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
79	Vật liệu soi mòn trám răng	Vật liệu soi mòn trám răng 5ml	Tube	36
80	Vật liệu che tủy có chiều đèn	Vật liệu che tủy có chiều đèn	Ống	36
81	Hóa chất trám răng	Hóa chất trám răng (15g;8g)	Hộp	50
82	Ống hút nước bọt, nhựa trong, mềm, dễ định vị	Ống hút nước bọt, nhựa trong, mềm, dễ định vị	Cái	2.400
83	Composite đặc các loại	Composite đặc các loại	hộp	50
84	Composite lỏng,	Composite lỏng, ống 2g	Ống	50
85	Composite lỏng, nhộng	Composite lỏng, nhộng 0,25g	nhộng	50
86	Composite quang trùng hợp	Composite quang trùng hợp	ống	50
87	Dầu xịt tay khoan,	Dầu xịt tay khoan, chai 400ml	chai	5
88	Trâm nội nha	Trâm nội nha Reamer (08-40)	Cây	2.000
89	Trâm nội nha cỡ nhỏ	Trâm nội nha Hedstroem file 21mm, 25mm cỡ nhỏ (08-40)	Cây	400
90	Trâm máy (các số: f1,F2,F3)	Trâm máy (các số: f1,F2,F3)	Cây	1.000
91	Kim tê nha 27G các cỡ	Kim tê nha 27G các cỡ	Cây	3.000

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
92	Kim tê nha 30G các cỡ	Kim tê nha 30G các cỡ	Cây	600
93	Keo Bonding 4M hoặc tương đương	Keo Bonding 4M hoặc tương đương	lọ	36
94	Keo dán 1 bước	Keo dán 1 bước	lọ	36
95	Keo dán quang trùng hợp,	Keo dán quang trùng hợp, lọ 6g	lọ	36
96	Giấy chỉnh khớp màu đỏ	Giấy chỉnh khớp màu đỏ	Tờ	500
97	Chất bôi trơn ống tủy	Chất bôi trơn ống tủy	ống	36
98	Cây cạo vôi trên nướu (xanh dương)	Cây cạo vôi trên nướu (xanh dương)	Cái	20
99	Vật liệu trám Cortisomol SP hoặc tương đương	Vật liệu trám Cortisomol SP hoặc tương đương	Gram	300
100	Dũa xương	Dũa xương. Thép không rỉ	Cây	10
101	Mặt gương	Mặt gương	Cây	200
102	Nạo ngà	Nạo ngà. Thép không rỉ	Cây	30
103	Nạo xương ổ răng	Nạo xương ổ răng. Thép không rỉ	Cây	40
104	Cây điều khắc	Cây điều khắc. Thép không rỉ	Cây	20

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
105	Cây lèn	Cây lèn. Thép không rỉ	Cây	50
106	Cây trám(1 đầu nhồi, 1 đầu trám)	Cây trám(1 đầu nhồi, 1 đầu trám). Thép không rỉ	Cây	40
107	Ống hút nước bột Inox	Ống hút nước bột Inox	Cây	10
108	Bóc tách 2 đầu	Bóc tách 2 đầu. Thép không rỉ	Cây	20
109	Nạy các loại (Khùy, Tam giác, Thẳng)	Nạy các loại (Khùy, Tam giác, Thẳng). Thép không rỉ	Cây	200
110	Kéo bóc tách cong nhọn	Kéo bóc tách cong nhọn. Thép không rỉ	cây	30
111	Banh miệng cố định Nexton các loại (2911/11cm, 2911/14cm) hoặc tương đương	Banh miệng cố định Nexton các loại (2911/11cm, 2911/14cm) hoặc tương đương	Cây	20
112	Cây cạo vôi siêu âm(Cây dài)	Cây cạo vôi siêu âm(Cây dài. Thép không rỉ	Cây	20
113	Lentulo 21mm, 25mm	Lentulo 21mm, 25mm	Cây	300
114	Thun kéo liên hàm các loại	Thun kéo liên hàm các loại	Gói	60
115	Chất trám bít ống tùy dùng cho răng nhiễm trùng chóp	Chất trám bít ống tùy dùng cho răng nhiễm trùng chóp	Tube	12
116	Xi măng trám tạm hộp 30g	Xi măng trám tạm hộp 30g	hộp	24
117	Vật liệu trám bít hố rãnh và phòng ngừa sâu răng	Vật liệu trám bít hố rãnh và phòng ngừa sâu răng	Ống	24

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
118	Vật liệu trám bít ống tủy dạng bột	Vật liệu trám bít ống tủy dạng bột	Hộp	24
119	Mũi mở tuỷ tránh thủng sàn Endo Z	Mũi mở tuỷ tránh thủng sàn Endo Z	cây	30
120	Trâm thông ống tủy bị vôi hóa (Tương đương với c+ File)	Trâm thông ống tủy bị vôi hóa (Tương đương với c+ File)	Cái	30
121	Đĩa đánh bóng các loại	Đĩa đánh bóng các loại	Cái	60
122	Vật liệu trám bít ống tủy	Vật liệu trám bít ống tủy	Cây	30
123	Chất bơm rửa ống tủy	Chất bơm rửa ống tủy	chai	12
124	Mũi mở tuỷ Endo Access hoặc tương đương	Mũi mở tuỷ Endo Access	Mũi	20
125	Vật liệu MTA trong điều trị nội nha (bột+nước)	Vật liệu MTA trong điều trị nội nha (bột+nước)	Hộp	2
126	Mũi khoan Gates hoặc tương đương, các loại	Mũi khoan Gates các loại.Thép không rỉ	Cây	100
127	Mũi khoan kim cương siêu tốc loại I	Mũi khoan kim cương siêu tốc loại I.Thép không rỉ	Cây	200
128	Mũi khoan siêu tốc 557	Mũi khoan siêu tốc 557.Thép không rỉ	Cây	200
129	Mũi khoan tốc độ chậm, thẳng, số 700	Mũi khoan tốc độ chậm, thẳng, số 700.Thép không rỉ	Cây	200
130	Mũi khoan tốc độ chậm, thẳng, số 702	Mũi khoan tốc độ chậm, thẳng, số 702.Thép không rỉ	Cây	200

STT	Danh mục hàng hóa	Quy cách - Tiêu chuẩn và yêu cầu kỹ thuật của hàng hóa/tương đương	Đơn vị tính	Số lượng
131	Mũi khoan tốc độ chậm, thẳng, số 703	Mũi khoan tốc độ chậm, thẳng, số 703.Thép không rỉ	Cây	200
132	Mũi khoan tungsten đầu tròn HP hoặc tương đương, các loại	Mũi khoan tungsten đầu tròn HP các loại.Thép không rỉ	Cây	200
133	Nẹp tái tạo	Nẹp Titan tái tạo maxi thẳng:17, 23,28 lỗ,kích thước các cỡ	cái	200
134	Vít xương đk 2.4	Vít Titan xương maxi đk 2.4 dài 12mm, 14mm	Cái	3.000
135	Vít xương đk 2.4	Vít Titan xương maxi đk 2.4 dài 20mm	Cái	500